

SỐ 353

## KINH THẮNG MAN

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Đà  
La.

### (I. ĐƯỢC THỌ KÝ)

#### (1. Đức tính chân thật của Như Lai)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ, trong khu lâm viên Chiến Thắng - Thiện Thí. Bấy giờ, hoàng đế Ba-tư-nặc và hoàng hậu Mạt-ly mới chứng đắc về pháp và bàn với nhau: Con gái ta là Thắng Man, hiền lành, thông minh, học rộng, nhiều trí. Nếu con gái ta được thấy Đức Thế Tôn thì sẽ hiểu biết mau chóng mà không hoài nghi gì cả về pháp cực kỳ sâu xa. Ta nên phái một người khéo khuyến dụ đến phát khởi sự tin tưởng chân thành cho con ta. Bàn như vậy nên hoàng đế với hoàng hậu viết thư ca tụng đức tính chân thật của Đức Thế Tôn, rồi phái một sứ giả tên Chiên-đề-la kính cẩn mang thư ấy đến quốc đô Vô Đẩu, dâng cho hoàng hậu Thắng Man. Hoàng hậu mở đọc thì kính theo, vui mừng, tâm thấy là hiếm có, và nói với Chiên-đề-la những lời chỉnh cú (kệ) sau đây:

*Ta nghe cái tiếng  
Như Lai, Thế Tôn,  
Lại nghe nói rằng*

*Ngài rất khó gặp.  
Những lời trên đây  
Nếu thật như vậy,  
Thì ta sẽ thưởng  
Y áo cho người.  
Và nếu chính xác  
Đức Phật Thế Tôn  
Vì lợi thế giới  
Mà Ngài xuất hiện,  
Thì tất thương ta  
Cho ta thấy Ngài.*

Mới nghĩ và nói như vậy thì tức khắc Đức Thế Tôn đã ở trong không gian. Ngài biểu hiện thân tướng không thể nghĩ bàn một cách bình thường, và phóng ra tất cả ánh sáng rất lớn. Hoàng hậu Thắng Man cùng thân quyến đều quy tụ lại, chấp tay chiêm ngưỡng và lễ bái, tán dương đức Đại Đạo sư như sau:

*Sắc thân tinh tế  
Của Đức Thế Tôn,  
Cả thế giới này  
Không ai bằng được.  
Ngài đã siêu việt  
So sánh nghĩ bàn,  
Thế nên chúng con  
Tôn quý kính lạy.  
Sắc thân Thế Tôn  
Thật vô cùng tận,  
Tuệ giác của Ngài  
Cũng là như thế,  
Pháp Đức Thế Tôn  
Thường trú bất diệt,  
Thế nên chúng con  
Tôn quý quy y.*

---

Ngài khéo thuận hóa  
Tội lỗi của tâm,  
Lại còn chế ngự  
Nhược điểm của thân,  
Ngài đến vị trí  
Không thể nghĩ bàn,  
Thế nên chúng con  
Tôn quý kính lạy.  
Thế Tôn lý giải  
Các pháp nhận biết  
Cái thân trí tuệ  
Không gì chướng ngại,  
Đối với các pháp  
Ngài không quên mất,  
Thế nên chúng con  
Tôn quý kính lạy.  
Chúng con lạy bậc  
Vượt mọi lường xét,  
Chúng con lạy bậc  
Không gì sánh bằng,  
Chúng con lạy bậc  
Tự tại với pháp,  
Chúng con lạy bậc  
Siêu việt tư duy.  
Xin Ngài thương xót  
Che chở chúng con,  
Làm cho chúng con  
Tăng trưởng giống pháp.  
Con nguyện từ nay  
Đến thân cuối cùng,  
Thường xuyên đối diện  
Trước Đức Thế Tôn.  
Con tu phước đức

*Đời này đời khác,  
Nguyện nhờ sức mạnh  
Phước đức như vậy,  
Con được Thế Tôn  
Thường xuyên thu nhận.*

Hoàng hậu Thắng Man nói những lời chính cú ấy rồi, cùng thân quyến và mọi người đem đỉnh đầu của mình lạy dưới chân Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Ngài đã nói những lời sau đây cho hoàng hậu:

*Như Lai quá khứ  
Đã vì tuệ giác  
Mà từng khai thị  
Chỉ dạy hoàng hậu.  
Ngày nay hoàng hậu  
Lại gặp Như Lai,  
Rồi suốt vị lai  
Cũng gặp như vậy.*

Nói những lời ấy rồi, tức thì ở giữa đại hội, Đức Thế Tôn đã thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng cho hoàng hậu Thắng Man: Hôm nay hoàng hậu đã ca tụng đức tính siêu việt của Như Lai. Do thiện căn này, trải qua vô số kiếp, ở trong chư Thiên và nhân loại, hoàng hậu sẽ làm đế vương tự tại. Mọi sự hưởng dụng đều đủ tất cả. Và sinh ra ở đâu cũng được gặp Như Lai, đối diện ca tụng không khác gì hôm nay. Hoàng hậu lại hiến cúng vô lượng Thế Tôn, qua hai mươi ngàn vô số kiếp, sẽ được trở thành Đức Phật, với danh hiệu là Phổ Quang gồm đủ mười tôn hiệu: bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiến cúng, bậc Biết đúng và khắp v.v.... Thế giới của Đức Phổ Quang không có các nẻo đường dữ, không có suy già bệnh khổ, không có những cái tên của nghiệp ác. Người của thế giới ấy thân hình đẹp đẽ, hưởng đủ năm thứ vui đẹp tinh tế, thuần túy thích thú, hơn cả chư Thiên cõi Tha-hóa-tự -tại. Người của thế giới ấy lại toàn là đi mau đến Đại thừa. Những ai tu học Đại thừa như vậy thì sinh đến thế giới ấy.

Khi hoàng hậu Thắng Man được Đức Thế Tôn thọ ký như vậy

thì vô số chư Thiên và nhân loại trong tâm phần chấn, cùng nguyện vãng sinh đến thế giới của Đức Phổ Quang. Đức Thế Tôn thọ ký cho họ đều được vãng sinh cả.

\*\*

## (II. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ)

### (2. Mười điều nhận lãnh)

Bấy giờ, hoàng hậu Thắng Man nghe Đức Thế Tôn thọ ký cho rồi, thì tức khắc chấp tay đứng trước Ngài, phát mười lời thề rộng lớn, bằng cách tác bạch như vậy:

(Thứ 1) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng vi phạm đối với giới pháp đã thọ.

(Thứ 2) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng khinh thường đối với các bậc sư trưởng.

(Thứ 3) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng giận dữ đối với mọi người.

(Thứ 4) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng ganh ghét đối với những người và những việc hơn mình.

(Thứ 5) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng keo kiệt dầu lúc chỉ có một ít thực phẩm.

(Thứ 6) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không vì bản thân mà nhận lãnh cùng cất chứa của cải; con có nhận lãnh gì cũng chỉ vì giúp đỡ những người nghèo khổ.

(Thứ 7) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không mong trả ơn mà thực thi bốn nhiếp pháp; con thu nhận mọi người với tâm lý không ham lợi, không chán đủ, không hạn chế.

(Thứ 8) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con thấy những ai không nơi nương tựa, bị giam cầm, bệnh tật, và bao nhiêu nguy khốn, thì không bao giờ con bỏ họ, nguyện đem lại yên ổn cho họ, tạo lợi ích cho họ ra khỏi mọi khốn đốn.

(Thứ 9) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con thấy những ai thề làm giới ác, phá hủy giới tịnh của Đức Thế Tôn, thì, trong thành thị và thôn xóm thuộc trách nhiệm của con, đáng chế ngự thì con chế ngự, đáng thu phục thì con thu phục. Tại sao, vì chế ngự và thu phục thì chánh pháp tồn tại lâu dài, chánh pháp tồn tại lâu dài thì chư Thiên, nhân loại tăng lên mà các nẻo đường ác giảm xuống. Có nghĩa con làm cho bánh xe chánh pháp của Đức Thế Tôn luôn luôn chuyển tới phía trước.

(Thứ 10) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con nhận lãnh chánh pháp mà không bao giờ quên mất, tại sao, vì quên mất chánh pháp là quên mất Đại thừa, quên mất Đại thừa là quên mất các pháp Ba-la-mật, mà quên mất các pháp Ba-la-mật thì thế là bỏ mất Đại thừa. Nếu Bồ-tát không quyết định về Đại thừa thì nhận lãnh chánh pháp không có bền chắc, và như thế thì không đủ khả năng vượt ra ngoài lĩnh vực phàm phu, mất mát thật là lớn lao.

Bạch Thế Tôn, hiện tại và vị lai có những vị Bồ-tát nhận lãnh chánh pháp, thực hiện đầy đủ nhiều sự ích lợi rộng lớn, phát nguyện rộng lớn như trên, và được Đức Thế Tôn, bậc pháp chủ của Thánh hiền, chứng biết cho. Nhưng người thiện căn kém cỏi, có thể có kẻ hoài nghi. Vì mười nguyện rộng lớn khó mà thành đạt, nên có thể có kẻ đã phát mười nguyện ấy rồi mà quay lại với những thói bất thiện, lãnh lấy khổ não. Vì tạo lợi ích cho những người như vậy mà hôm nay, đối trước Đức Thế Tôn, con xin phát nguyện chân thành.

Bạch Thế Tôn, ngày nay con phát mười nguyện rộng lớn như thế này, nếu chắc thật, không hư dối, thì ngay bây giờ con cầu nguyện trên đại hội này sẽ mưa xuống bông hoa của chư Thiên, tấu lên âm nhạc của chư Thiên.

Hoàng hậu Thắng Man đối trước Đức Thế Tôn tác bạch như vậy thì trong không gian tức thì mưa thiên hoa, tấu thiên nhạc, tán dương như vậy: Tốt lắm, hoàng hậu Thắng Man, đúng như hoàng hậu đã nói, chắc thật chứ không thể khác được.

Bấy giờ đại hội nhìn thấy quang cảnh linh diệu như vậy thì hết cả hoài nghi, tâm hết sức hoan hỷ, đồng thanh nói lớn: Chúng tôi

nguyện cùng hoàng hậu Thắng Man sinh ra ở đâu cũng đồng nhất chí nguyện và hoạt động. Đức Thế Tôn, ngay lúc đã thọ ký cho cả đại hội đều được như ý.

### **(3. Ba điều đại nguyện)**

Bấy giờ, đối trước Đức Thế Tôn, hoàng hậu Thắng Man lại lập ra ba nguyện vĩ đại, và bằng sức mạnh của ba nguyện ấy mà tạo lợi ích vô biên cho các loại chúng sinh: Nguyện thứ nhất là con đem thiện căn của con mà nguyện đời nào cũng được cái trí về chánh pháp. Nguyện thứ hai là con sinh ra ở đâu cũng được cái trí về chánh pháp rồi thì con nguyện diễn nói cho chúng sinh một cách không mỗi một. Nguyện thứ ba là con vì thu nhận, giữ gìn chánh pháp mà nguyện không tiếc thân mạng.

Nghe ba lời nguyện như vậy, Đức Thế Tôn nói với hoàng hậu Thắng Man, rằng như mọi hình sắc đều ở trong không gian, hằng sa các nguyện của Bồ-tát đều gồm trong ba nguyện như vậy. Ba nguyện như vậy thật là chân thật, vĩ đại.

### **(4. Thu nhận chánh pháp)**

Hoàng hậu Thắng Man, lúc ấy, lại thưa, bạch Thế Tôn, nay con muốn dựa vào sức mạnh nơi uy thần và biện tài của Đức Thế Tôn mà trình bày về một (trong ba) đại nguyện (nói trên). Kính xin Đức Thế Tôn cho phép.

Đức Thế Tôn bảo, Thắng Man, hoàng hậu cứ nói theo ý mình.

Hoàng hậu Thắng Man bạch Thế Tôn, rằng hằng sa các nguyện của Bồ-tát tất cả đều nhập vào một đại nguyện. Một đại nguyện ấy chính là nguyện thu nhận chánh pháp của Đức Thế Tôn. Thu nhận chánh pháp, cái nguyện như vậy thật sự là vĩ đại.

Đức Thế Tôn dạy, tốt lắm, Thắng Man; hoàng hậu từ lâu thật đã tu tập trí tuệ, và phương cách của trí tuệ, một cách sâu xa, tinh tế. Ai hiểu được lời hoàng hậu nói thì người ấy đã từ lâu xa gieo trồng gốc rễ điều lành. Cái nguyện thu nhận chánh pháp mà hoàng hậu nói, thì chư vị Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại đã nói, sẽ nói và đang nói. Như Lai được Bồ-đề vô thượng, cũng thường nói bằng

nhiều dạng thức về sự thu nhận chánh pháp. Tuệ giác của Như Lai không có giới hạn, Như Lai tán dương công đức của sự thu nhận chánh pháp cũng không có giới hạn, tại sao, vì sự thu nhận chánh pháp thật sự có công đức vĩ đại, có lợi ích vĩ đại.

Hoàng hậu Thắng Man lại thưa, bạch Thế Tôn, con xin dựa vào sức mạnh nơi uy thần của Ngài mà trình bày thêm nữa về tính cách vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp.

Đức Thế Tôn bảo, Như Lai cho phép hoàng hậu trình bày.

Hoàng hậu Thắng Man nói, tính cách vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp là thủ đắc tất cả vô lượng pháp Phật, cho đến thu nhập tám vạn hành uẩn.

(Một), bạch Thế Tôn, như khi kiếp thành mở đầu, thì không gian nổi lên những sắc mây và mưa xuống những châu ngọc, sự thu nhận chánh pháp cũng vậy, nó là đám mây thiện căn mưa xuống vô lượng phước báo.

(Hai), bạch Thế Tôn, lại như kiếp thành mở đầu, nước lớn tạo ra đại thiên thế giới và bốn trăm ức đại lục, sự thu nhận chánh pháp cũng vậy, xuất sinh vô lượng pháp tạng Đại thừa, cùng với thần lực của Bồ-tát, các loại pháp môn, sự yên vui đầy đủ của thế gian và xuất thế, sự chưa từng có của chư Thiên, nhân loại.

(Ba), bạch Thế Tôn, lại như địa cầu gánh vác được bốn gánh nặng, đó là biển cả, núi non, cây cỏ và sinh vật, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp cũng vậy, có sức gánh vác bốn trọng trách quá hơn địa cầu, ấy là đem thiện căn thuộc nhân loại và chư Thiên mà tạo mọi thành tựu đầy đủ cho những kẻ xa rời bạn tốt, không có đa văn, sống phi chánh pháp; ai cầu Thanh văn thì chỉ dạy pháp Thanh văn; ai cầu Duyên giác thì chỉ dạy pháp Duyên giác; ai cầu Đại thừa thì chỉ dạy pháp Đại thừa. Như thế đó gọi là thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp có sức gánh vác bốn trọng trách hơn cả địa cầu. Tựa như địa cầu, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp có sức gánh vác bốn trọng trách ấy, làm người bạn không mời cho cả mọi người, tâm bi to lớn thương xót và đem lại lợi ích cho mọi người, làm người mẹ chánh pháp cho đời.



(Bốn), bạch Thế Tôn, lại như địa cầu sinh ra bốn loại ngọc: ngọc vô giá, ngọc giá cao, ngọc giá vừa, ngọc giá thấp, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp cũng như vậy, y như địa cầu xây dựng cho người: mọi người gặp họ thì được bốn thứ ngọc lớn, hơn hết trong mọi thứ ngọc, ấy là mọi người gặp được người bạn tốt này thì có kẻ thu đạt thiện căn nơi chư Thiên nhân loại, kẻ có thu đạt thiện căn của Thanh văn, có kẻ thu đạt thiện căn của Duyên giác, có kẻ thu đạt thiện căn của Đại thừa. Như thế đó gọi là những thiện nam hay thiện nữ tựa như địa cầu xây dựng cho người, ai gặp cũng được thu đạt một trong bốn thứ ngọc lớn.

Bạch Thế Tôn, sản xuất ngọc lớn nói trên là do thu nhận chánh pháp một cách chân thật. Bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp là không có chánh pháp nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào khác, mà chánh pháp chính là sự thu nhận chánh pháp. Bởi vì, bạch Thế Tôn, không có Ba-la-mật nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào khác, mà sự thu nhận chánh pháp chính là Ba-la-mật. Tại sao, vì những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp đối với ai đáng đem bố thí mà tạo mọi thành tựu đầy đủ thì đem bố thí mà tạo mọi thành tựu đầy đủ cho, đến nỗi hy sinh cả thân mạng, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là bố thí Ba-la-mật; đối với ai đáng đem trì giới mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì giữ sáu căn, sạch ba nghiệp, cho đến hoàn chỉnh uy nghi, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là trì giới Ba-la-mật; đối với ai đáng đem nhẫn nhục mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì dẫu họ mắng nhiếc lăng nhục, phỉ báng, quấy phá, cũng đem tâm không giận và tâm lợi ích, đem sức mạnh nhẫn nhục tối thượng, đến nỗi thần sắc cũng không biến đổi, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là nhẫn nhục Ba-la-mật; đối với ai đáng đem tinh tiến mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì không có tâm biếng nhác, lơ là, mà lại khởi lên ý muốn mãnh liệt, siêng năng thượng thặng, bốn cử động đi đứng nằm ngồi đều tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là tinh tiến Ba-la-mật; đối

với ai đáng đem thiền định mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì đem sự không rối loạn mà thành tựu chánh niệm, không bao giờ quên mất những việc đã làm, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là thiền định Ba-la-mật; đối với ai đáng đem trí tuệ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì họ vì lợi ích mà hỏi pháp nghĩa, mình phải không mõi mệt mà giảng giải một cách trọn vẹn về các học thuyết, các minh xứ, cho đến mọi thứ kỹ thuật, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là trí tuệ Ba-la-mật. Do vậy, bạch Thế Tôn, không có Ba-la-mật nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào khác, mà thu nhận chánh pháp chính là Ba-la-mật.

Hoàng hậu Thắng Man lúc ấy lại thưa, bạch Thế Tôn, nay con xin dựa vào uy thần và biện tài của Ngài mà nói về tính chất vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp.

Đức Thế Tôn hỏi, tính chất vĩ đại ấy như thế nào?

Hoàng hậu thưa, bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp không biệt lập với sự thu nhận chánh pháp, không biệt lập với người thu nhận chánh pháp. Thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp thì chính họ là sự thu nhận chánh pháp. Tại sao? Vì thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp thì họ vì chánh pháp mà hy sinh thân thể, tính mạng và tài sản. Vì họ hy sinh thân thể nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, tách xa già bệnh, được pháp thân của Đức Thế Tôn, cái thân thường còn không hư hoại, không biến đổi, tuyệt đối vắng lặng, không thể nghĩ bàn. Vì họ hy sinh tính mạng nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, tách hẳn sự chết, được sự thường còn không giới hạn, thành tựu mọi phẩm chất không thể nghĩ bàn, an trú nơi thần lực của hết thảy pháp Phật. Vì họ hy sinh tài sản nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, siêu việt chúng sinh, quả báo viên mãn một cách không cùng tận và không giảm bớt, công đức trang nghiêm một cách không thể tư duy để mô tả, được chúng sinh tôn trọng hiến cúng. Bạch Thế Tôn, thiện nam hay thiện nữ hy sinh thân thể, tính mạng và tài sản mà thu nhận chánh pháp thì được chư vị Thế Tôn thọ ký. Bạch Thế Tôn, khi chánh pháp sắp mất, có những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-

bà-di kết phe kết nhóm với nhau, dấy lên mọi sự tranh chấp, khi đó nếu thiện nam hay thiện nữ nào đem tâm không đua nịnh, quanh co, không lừa đảo, dối trá, ưa thích chánh pháp, thu nhận chánh pháp, thì họ nhập vào trong nhóm thiện hữu. Nhập vào nhóm thiện hữu thì chắc chắn được chư vị Thế Tôn thọ ký. Bạch Thế Tôn, con thấy sự thu nhận chánh pháp có sức mạnh vĩ đại đến như thế đó. Chính Đức Thế Tôn cũng lấy sức mạnh vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp mà làm con mắt, làm căn bản của Pháp, làm sự lãnh đạo của Pháp, làm sự thông suốt pháp.

Bấy giờ, khi nghe hoàng hậu Thắng Man nói về uy lực vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp, thì Đức Thế Tôn tán dương như vậy: Đúng như vậy, đúng như vậy, tốt lắm, Thắng Man, đúng như hoàng hậu đã nói về uy lực vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp. Một đại lực sĩ mà chạm nhẹ vào tử huyết, người ta cũng đau đớn, bệnh nặng thêm lên: cũng như vậy, Thắng Man, chút ít sự thu nhận chánh pháp cũng làm cho ma vương đau khổ, buồn rầu, kêu gào, than thở. Thắng Man, Như Lai không thấy một pháp thiện nào làm cho ma vương buồn rầu bằng một chút của sự thu nhận chánh pháp. Thắng Man, con bò chúa hình đẹp, thân lớn, thì làm mờ cả đàn bò: cũng y như vậy, Thắng Man, người tu Đại thừa thì giả sử mới có chút ít sự thu nhận chánh pháp cũng có khả năng làm khuất mờ tất cả pháp thiện của Thanh văn, Duyên giác. Thắng Man, núi chúa Tu-di cao lớn tráng lệ, làm mờ tất cả núi non: cũng như vậy, Thắng Man, người mới tới Đại thừa, vì lợi ích cao cả mà không kể thân mạng, thu nhận chánh pháp, như thế cũng đã hơn tất cả thiện căn của những người ở lâu trong Đại thừa mà đoái hoài thân mạng. Thế nên, Thắng Man, hãy đem sự thu nhận chánh pháp mà mở bày, chỉ rõ nhằm hoán cải mọi người. Như vậy, Thắng Man, sự thu nhận chánh pháp có phước lợi vĩ đại, có quả báo vĩ đại. Thắng Man, chính Như Lai tán dương công đức của sự thu nhận chánh pháp đến vô số kiếp cũng không thể cùng tận giới hạn, cho nên sự thu nhận chánh pháp để thành tựu vô số công đức như trên đã nói.

\*

\*\*

### (III. NHẬP NHƯ LAI TẠNG)

#### (5. Xác quyết Nhất thừa)

Đức Thế Tôn dạy Thắng Man, hoàng hậu nay hãy nói thêm nữa về sự thu nhận chánh pháp mà Như Lai đã nói là toàn thể chư vị Như Lai đều ưa thích.

Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp thì gọi là Đại thừa. Tại sao, vì Đại thừa thì xuất sinh tất cả pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác. Bạch Thế Tôn, như hồ A nậu là nơi phát nguyên của tám con sông lớn, Đại thừa là nơi phát nguyên tất cả pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác. Bạch Thế Tôn, mọi hạt giống, mọi cây cỏ, rừng rú đều do địa cầu mà sinh ra và lớn lên, cũng y như vậy, mọi pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác đều do Đại thừa mà sinh ra và lớn lên. Thế nên, bạch Thế Tôn, trú ở Đại thừa, thu nhận Đại thừa, thì như thế là trú ở và thu nhận mọi pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác.

Bạch Thế Tôn, như Ngài dạy về sáu điều, đó là chánh pháp còn, chánh pháp mất, biệt giải thoát, Tỳ-nại-da, chính xuất gia, thọ cụ túc. Ấy là Đức Thế Tôn vì Đại thừa mà nói sáu điều như vậy. Làm sao biết được? Vì chánh pháp còn thì chánh pháp ấy là Đại thừa: Đại thừa còn là chánh pháp còn. Chánh pháp mất thì chánh pháp ấy là Đại thừa: Đại thừa mất là chánh pháp mất. Biệt giải thoát với Tỳ-nại-da, hai điều này nghĩa một mà tên khác. Tỳ-nại-da (hay Biệt giải thoát) là Giới học đại thừa, tại sao, vì nương tựa nơi Đức Thế Tôn mới chính xuất gia và thọ cụ túc. Do vậy, Giới học Đại thừa là Tỳ-nại-da (hay Biệt giải thoát), là chính xuất gia, là thọ cụ túc.

Bạch Thế Tôn, La-hán không có chính xuất gia và thọ cụ túc, vì sao, vì La-hán không nương tựa nơi Đức Thế Tôn thì không có chính xuất gia và thọ cụ túc. La-hán còn có tư tưởng sợ hãi nên quy y Đức Thế Tôn. La-hán đối với các hành vẫn có tư tưởng sợ hãi, tình trạng như một kẻ cầm kiếm muốn tự hại mình, do vậy, La-hán không chứng được sự xuất ly và sự an lạc tuyệt đối. Bạch Thế Tôn, nương

tựa là nương tựa với bậc không cầu sự nương tựa nữa. Mọi sinh vật không có nơi nương tựa, nên sinh vật nào cũng sợ hãi, và muốn yên ổn nên sinh vật nào cũng tìm nơi nương tựa. La-hán cũng vậy, vì có tư tưởng sợ hãi nên quy y Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán và Duyên giác sinh pháp đang còn, phạm hạnh chưa lập, việc làm chưa xong, còn có đoạn trừ, chưa được cứu cánh, cách xa Niết-bàn. Tại sao, vì chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiển cúng, bậc Biết đúng và khắp, mới chứng Niết-bàn, thành tựu vô lượng công đức ngoài tầm tư duy và thảo luận, cái gì đáng đoạn trừ thì đã đoạn trừ cả rồi, đã thanh tịnh tuyệt đối, làm bậc cho chúng sinh chiêm ngưỡng, siêu việt lĩnh vực nhị thừa và Bồ-tát. La-hán đâu có được như vậy. La-hán được Niết-bàn, đó chỉ là lời nói theo phương tiện của Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán cách xa Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, Ngài nói La-hán, Duyên giác quán sát giải thoát bằng bốn tuệ giác cứu cánh, đạt được chỗ yên nghỉ; nói như thế toàn là Đức Thế Tôn nói theo ý người khác, nói không trọn nghĩa. Tại sao con biết như vậy? Vì chết có hai loại, một là từng đời, hai là thay đổi. Chết từng đời là chúng sinh chết đời này rồi chết đời khác một cách liên tục. Chết thay đổi là ý sinh thân của La-hán, Duyên giác và Bồ-tát tự tại, cho đến khi thành tựu Bồ-đề vô thượng, (chỉ thay đổi cấp độ mà thôi). Trong hai loại chết đó, lấy loại chết từng đời mà nói La-hán và Duyên giác sinh ra cái tuệ giác ta sinh đã hết; do chứng được Niết-bàn chưa toàn nên sinh ra cái tuệ giác phạm hạnh đã lập; phạm phu không làm được, bảy bậc đang còn tu học chưa làm xong, các phiền não liên tục đã đoạn trừ trọn vẹn, nên sinh ra cái tuệ giác việc làm đã xong. Còn nói sinh ra cái tuệ giác không còn đời sau, thì La-hán Duyên giác không thể đoạn trừ tất cả phiền não, nên chưa đạt trọn vẹn cái tuệ giác không còn mọi sự thọ sinh.

Tại sao như vậy? Vì La-hán và Duyên giác còn thừa phiền não mà không phải đoạn trừ đã hết, do vậy, các vị ấy không thể đạt trọn vẹn không còn mọi sự thọ sinh. Phiền não có hai loại, một là phiền não trú địa, hai là phiền não phát sinh. Phiền não trú địa có bốn, là kiến của ba cõi, ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô sắc; bốn phiền não này tạo ra mọi phiền não. Còn phiền não phát sinh

(thì có hai loại). Có loại tương ứng với tâm trong từng sát na (gọi là phiền não trú địa); còn loại vô minh trú địa thì vô thủ đến giờ không tương ứng với tâm. Bạch Thế Tôn, bốn phiền não trú địa tuy tạo ra phiền não, nhưng so với vô minh trú địa thì toán học và ví dụ cũng không thể đối tỷ. Vô minh trú địa thì sức mạnh của nó còn hơn cả ái của cõi Vô sắc. Ví như sắc đẹp, sức mạnh và uy thế của ma vương cùng tùy thuộc của nó, làm khuất mờ tất cả chư Thiên cõi Tha hóa tự tại; vô minh trú địa cũng vậy, nó làm khuất mờ tất cả bốn phiền não trú địa, nó làm chỗ dựa cho phiền não nhiều hơn hằng sa, và cũng chính nó làm cho bốn phiền não trú địa tồn tại lâu dài. Nó thì tuệ giác La-hán, Duyên giác không thể đoạn trừ, mà đoạn trừ nó thì chỉ có tuệ giác của Đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đúng như vậy, sức mạnh của vô minh trú địa rất lớn. Bạch Thế Tôn, như do Thủ làm duyên tố mà nghiệp thân hữu lậu tạo ra ba Hữu, vô minh trú địa cũng vậy, chính nó làm duyên tố mà nghiệp nhân vô lậu tạo ra ý sinh thân của La-hán, Duyên giác và Bồ-tát đại lực. Ý sinh thân của ba quả vị này, cùng với nghiệp nhân vô lậu, toàn là do vô minh trú địa làm căn cứ. Vô minh trú địa vừa có duyên tố, vừa làm duyên tố. Bạch Thế Tôn, do vậy, ba ý sinh thân, cùng với nghiệp nhân vô lậu, toàn là do vô minh trú địa làm duyên tố, giống như ái của cõi Vô sắc. Nhưng, bạch Thế Tôn, ái của cõi Vô sắc không giống với tác dụng của vô minh trú địa, vô minh trú địa khác với bốn phiền não trú địa: vì khác với bốn phiền não trú địa nên chỉ có Đức Thế Tôn mới đoạn trừ được. La-hán Duyên giác chỉ đoạn trừ bốn phiền não trú địa nên diệu lực của việc dứt sạch các lậu không được tự tại, không thể hiện chứng. Do vậy, nói La-hán, Duyên giác dứt sạch các lậu chỉ là lời nói thêm của Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán, Duyên giác với Bồ-tát tối hậu thân toàn bị vô minh trú địa che khuất, không biết không thấy các pháp, vì không thấy, không biết các pháp nên cái đáng đoạn trừ thì chưa đoạn trừ, cái đáng chấm hết thì chưa chấm hết: vì chưa đoạn trừ, chưa chấm hết các pháp đáng đoạn trừ và đáng chấm hết, nên chỉ được sự giải thoát chưa toàn chứ không phải sự giải thoát hoàn toàn, được sự thanh tịnh chưa toàn chứ không phải sự thanh tịnh tất cả, được công đức chưa toàn chứ không phải công đức

toàn bộ. Bạch Thế Tôn, vì được giải thoát chưa toàn chứ không phải giải thoát hoàn toàn, cho đến được công đức chưa toàn chứ không phải công đức toàn bộ, nên biết khổ chưa hết, đoạn tập chưa hết, chứng diệt chưa hết, và tu đạo cũng chưa hết.

Hoàng hậu Thắng Man bấy giờ lại thưa: Bạch Thế Tôn, nếu biết khổ chưa hết, đoạn tập chưa hết, chứng diệt chưa hết, tu đạo chưa hết, thì như thế dầu hương về Niết-bàn mà chỉ gọi là diệt độ một phần, Niết-bàn một phần. Nếu biết khổ hoàn toàn, đoạn tập hoàn toàn, chứng diệt hoàn toàn, tu đạo hoàn toàn, thì trong cái thế giới vô thường đổ nát, vị này chứng được cái Niết-bàn thường còn, vắng lặng và trong mát. Vị này làm người che chở và làm chỗ nương tựa cho thế giới không ai che chở, không nơi nương tựa. Nhưng thấy các pháp có cao có thấp thì không chứng Niết-bàn. Tuệ giác đồng đẳng, giải thoát đồng đẳng, thanh tịnh đồng đẳng, mới chứng Niết-bàn. Nên Niết-bàn là đồng đẳng, một vị. Một vị ấy là vị giải thoát. Nếu vô minh trú địa mà không đoạn trừ và không chấm hết, thì không đạt được vị đồng nhất và đồng đẳng của Niết-bàn. Vì sao, vì vô minh trú địa không đoạn trừ và không chấm hết, thì mọi tội lỗi nhiều hơn hằng sa đáng đoạn trừ không đoạn trừ, đáng chấm hết không chấm hết; vì tội lỗi nhiều như hằng sa không đoạn trừ và không chấm hết, nên công đức nhiều hơn hằng sa sẽ không trọn vẹn, không thực hiện. Do đó mà biết vô minh trú địa là nơi phát sinh tất cả phiền não cần phải đoạn trừ: chính từ nó mà phát sinh phiền não nhiều hơn hằng sa, tạo chướng ngại cho tâm, gây chướng ngại cho chỉ, cho quán, cho định, cho đẳng trì, cho gia hành, các tuệ giác, các đạo quả, tạo chướng ngại nơi sự chứng đắc các lực, vô úy. Phải là tuệ giác Bồ-đề của Đức Thế Tôn và tuệ giác kim cương của Đức Thế Tôn mới đoạn được loại phiền não phát sinh này, loại phiền não phát sinh ấy nương tựa ở vô minh trú địa, do vô minh trú địa làm nhân tố và duyên tố. Loại phiền não phát sinh này tương ứng với tâm trong từng sát na, nhưng vô minh trú địa thì vô thủ đến giờ không tương ứng với tâm. Bạch Thế Tôn, nhiều hơn hằng sa, tất cả những gì cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cương, thì toàn là vô minh trú địa làm căn cứ mà cấu trúc. Tựa như mọi hạt giống và rừng rú

đều do từ địa cầu sinh ra và lớn lên, nếu địa cầu hư hoại, thì mọi hạt giống và rừng rú cũng hư hoại theo, cũng y như thế ấy, những gì nhiều hơn hằng sa cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cang của Đức Thế Tôn, toàn là do từ vô minh trú địa sinh ra và lớn lên. Nếu vô minh trú địa bị đoạn trừ, thì những gì nhiều hơn hằng sa cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cang của Đức Thế Tôn cũng tùy theo đấy mà đoạn trừ. Như thế đó, những gì nhiều hơn hằng sa cần phải đoạn trừ, tức tất cả phiền não trú địa và phiền não phát sinh đoạn trừ cả rồi, thì thực hiện được phẩm chất của Đức Thế Tôn nhiều hơn hằng sa và ngoài tầm nghĩ bàn, đối với toàn thể các pháp thì chứng được thần thông vô ngại, chứng được trí và chứng được kiến, siêu thoát mọi lỗi lầm, thủ đắc công đức, làm bậc đại pháp vương, tự tại đối với các pháp, đạt đến vị trí tự tại đối với các pháp, và như sư tử gầm lên, rằng ta sự sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn đời sau. Như sư tử gầm lên, Đức Thế Tôn đã căn cứ vào nghĩa lý cứu cánh mà ghi nhận và tuyên ngôn quyết định như vậy.

Bạch Thế Tôn, không còn đời sau, tuệ giác này có hai loại. Loại thứ nhất là các Đức Thế Tôn sử dụng năng lực thuần hóa mà chiến thắng quân ma, siêu việt thế giới, mọi người chiêm ngưỡng, chứng đắc pháp thân thanh tịnh và ngoài tầm nghĩ bàn, được sự tự tại đối với các pháp nhận biết, cao hơn tất cả, không ai trên nữa, không còn làm gì, không thấy có vị trí chứng đắc nữa, hoàn hảo mười lực, bước lên quả vị tối thắng vô úy, đối với các pháp thì quan sát vô ngại, như sư tử gầm lên, tuyên cáo không còn đời sau. Loại thứ hai là La-hán, Duyên giác vượt được sự sợ hãi của sự sống chết vô cùng, thọ hưởng cái vui giải thoát, nghĩ rằng nay ta đã hết sợ sống chết, không chịu khổ não. Bạch Thế Tôn, La-hán và Duyên giác quan sát như vậy, gọi là không còn đời sau, nhưng họ không chứng được Niết-bàn là chỗ yên nghỉ bậc nhất. Đối với vị trí chưa chứng được đó, dầu không gặp giáo pháp Đại thừa đi nữa, họ cũng tự biết chỉ chứng được vị trí chưa toàn, và quyết định sẽ chứng được Bồ-đề vô thượng. Tại sao như vậy, vì Thanh văn và Duyên giác toàn là sẽ nhập vào Đại thừa. Mà Đại thừa là Phật thừa. Do vậy, ba thừa là một thừa, chứng



một thừa là chứng được Bồ-đề vô thượng. Bồ-đề vô thượng là Niết-bàn. Niết-bàn là pháp thân của Đức Thế Tôn. Mà pháp thân chính là nhất thừa, chứ không có Thế Tôn nào khác, không có pháp thân nào khác. Thế Tôn là pháp thân, chứng được pháp thân cứu cánh chính là nhất thừa cứu cánh. Nhất thừa cứu cánh thì thường trú, siêu việt sự liên tục. Tại sao như vậy, bởi vì Thế Tôn tồn tại không có giới hạn, đồng đẳng với thì gian cuối cùng. Thế Tôn đem đại bi vô giới hạn và đem đại nguyện vô giới hạn tạo lợi ích cho thế giới: nói như vậy là nói đúng. Nếu nói Thế Tôn là thường trú, là bất tận, là bậc mà thế giới nương tựa được tuyệt đối: nói như vậy cũng là nói đúng. Ấy vậy, bậc mà cùng tận thì gian vị lai làm nơi nương tựa vô tận, thường trú và cứu cánh cho thế giới không ai che chở, không nơi nương tựa, bậc ấy là Phật, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng biến cúng, bậc Biết đúng và khắp. Còn Pháp là giáo pháp nhất thừa, Tăng là tăng chúng tam thừa, hai nơi quy y này không phải là quy y cứu cánh, mà chỉ gọi là quy y phần ít. Tại sao, vì nếu đã nói là giáo pháp nhất thừa, chứng pháp thân cứu cánh, thì đáng lẽ sau đó không còn nói giáo pháp nhất thừa nữa; còn chúng tăng tam thừa thì vì sợ hãi sinh tử nên quy y Đức Thế Tôn, cầu xuất ly, cầu tu học, còn có việc làm, còn phải hướng về Bồ-đề vô thượng. Nên hai nơi quy y trên đây không phải là quy y cứu cánh, mà là quy y có giới hạn. Nếu chúng sinh được Thế Tôn thuần hóa, quy y Thế Tôn, được Pháp thấm nhuần, do tâm ưa thích mà quy y Pháp và Tăng Tỳ-kheo, thì hai nơi quy y này là do Pháp thấm nhuần và tin tưởng mà quy y, còn quy y Thế Tôn thì không phải do Pháp thấm nhuần và tin tưởng mà quy y. Quy y Thế Tôn là quy y một cách chân thật; hai sự quy y Pháp và Tăng dựa vào sự chân thật ấy mà gọi chung là cứu cánh quy y Thế Tôn. Tại sao, bởi vì Thế Tôn thì không khác Pháp và Tăng. Do vậy, Thế Tôn là ba quy y. Nói về nhất thừa là nói Thế Tôn hoàn thiện bốn vô úy và nói như sư tử gầm. Nếu Thế Tôn tùy ý muốn của người thì Ngài theo phương tiện nói Nhị thừa là Đại thừa. Vì thật ra theo chân lý bậc nhất thì không có Nhị thừa, mà Nhị thừa nhập vào Nhất thừa. Nhất thừa chính là cái thừa của chân lý bậc nhất.

## (6. Chân lý vô biên)

Bạch Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác khi mới chứng Thánh đế, là không phải đem một cái trí đoạn trừ phiền não trú địa, cũng không phải đem một cái trí chứng bốn thứ biến tri và những công đức tùy thuộc, cũng không phải đem pháp mà khéo biết về bốn nghĩa của pháp. Bạch Thế Tôn, cái trí xuất thế không có bốn trí đến dần và biết dần. Cái trí xuất thế không có sự đến dần, nên ví dụ như kim cương. Bạch Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác đem các cái trí Thánh đế mà đoạn trừ các phiền não trú địa, chứ họ không có cái trí xuất thế bậc nhất. Chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, không phải lĩnh vực của Thanh văn, Duyên giác, mới đem cái *trí không* chẳng thể nghĩ bàn phá vỡ tất cả cái vô phiền não. Cái trí cứu cánh phá vỡ tất cả cái vô phiền não ấy gọi là trí xuất thế bậc nhất. Cái trí đầu tiên về Thánh đế không phải cái trí cứu cánh ấy, mà chỉ là cái trí hướng đến Bồ-đề vô thượng. Thế nên, bạch Thế Tôn, nói bậc Thánh chân thật thì không phải là Nhị thừa, bởi vì Nhị thừa chỉ thành tựu một ít công đức, nên họ được gọi là Thánh mà thôi. Bạch Thế Tôn, nói Thánh đế thì cũng không phải là Thánh đế của Thanh văn, Duyên giác và công đức của Thánh đế ấy cũng vậy. Thánh đế ấy chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết rõ trước tiên, rồi sau đó mới mở bày diễn nói cho mọi người đang ở trong vô vô minh, do vậy mà gọi là Thánh đế.

## (7. Như Lai tạng)

Bạch Thế Tôn, Thánh đế như trên đã nói thì rất sâu, tinh tế, khó thấy, khó biết, không thể phân biệt, không phải là lĩnh vực của tư duy, thế gian không tin, chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết được. Tại sao, bởi vì Thánh đế ấy là nói về Như Lai tạng rất sâu. Như Lai tạng là lĩnh vực của Đức Thế Tôn, không phải là đối tượng của Thanh văn, Duyên giác. Nơi Như Lai tạng mà nói nghĩa lý Thánh đế, thì Như Lai tạng ấy rất sâu, tinh tế, khó thấy, khó biết, không thể phân biệt, không phải là lĩnh vực của tư duy, thế gian không tin, chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết đến.

### **(8. Pháp thân)**

Bạch Thế Tôn, nếu ai không nghi hoặc gì về Như Lai tạng đang bị ràng buộc trong vô số phiền não, thì người ấy cũng không nghi hoặc gì về pháp thân của Như Lai đã thoát khỏi tất cả phiền não. Bạch Thế Tôn, nếu ai tâm trí hội nhập trọn vẹn đối với lĩnh vực chẳng thể nghĩ bàn và bí mật của Đức Thế Tôn là Như Lai tạng và pháp thân của Như Lai, thì người ấy có thể tin, có thể hiểu, và có thể thắng giải về hai loại Thánh đế sẽ nói sau đây. Hai loại Thánh đế ấy là có tác thành và không tác thành. Thánh đế có tác thành thì không tròn đầy nghĩa lý nơi bốn Thánh đế, vì sao, vì do người hộ trì mà vẫn không thể biết tất cả khổ, đoạn tất cả tập, chứng tất cả diệt và tu tất cả đạo, do vậy họ không thấu triệt về hữu vi, vô vi, cùng với Niết-bàn. Còn Thánh đế không tác thành thì tròn đầy nghĩa lý nơi bốn Thánh đế, vì sao, vì tự hộ trì lấy mà vẫn biết tất cả khổ, đoạn tất cả tập, chứng tất cả diệt và tu tất cả đạo. Như vậy là có tám nghĩa Thánh đế mà Đức Thế Tôn chỉ nói bằng bốn Thánh đế. Nghĩa bốn Thánh đế không tác thành thì chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới làm việc rốt ráo, không phải năng lực của Thanh văn, Duyên giác mà làm thấu. Không phải đem cái pháp hơn kém hay thấp vừa cao mà chứng được Niết-bàn, vậy Đức Thế Tôn làm việc rốt ráo về Thánh đế không tác thành như thế nào? Là Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đã biết khắp về các khổ, đoạn sạch hết khổ tập là phiền não trú địa và phiền não phát sinh, chứng đắc khổ diệt của tất cả ý sinh thân, và tu tập tất cả đạo diệt khổ. Bạch Thế Tôn, sự khổ diệt thì không phải là pháp huỷ hoại, tại sao, vì sự khổ diệt là không mở đầu, không tác động, không khởi dấy, không cùng tận, không trú bất động, bản tánh thanh tịnh, ra khỏi vỏ phiền não. Bạch Thế Tôn, vì Ngài hoàn thành những tuệ giác giải thoát và những pháp chẳng thể nghĩ bàn, với số lượng nhiều hơn hằng sa, nên gọi là pháp thân. Bạch Thế Tôn, pháp thân như vậy không tách rời phiền não, nên gọi là Như Lai tạng.

### **(9. Chân thật bị ẩn)**

Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là tuệ giác về tánh siêu việt của

Đức Thế Tôn. Như Lai tạng thì Thanh văn Duyên giác chưa hề thấy, chưa hề được, chỉ Đức Thế Tôn mới thấu triệt và chứng đắc. Tuệ giác về tánh siêu việt của Như Lai tạng có hai thứ. Một là Như Lai tạng như thật không, là tách rời tất cả phiền não không phù hợp với tuệ giác giải thoát. Hai là Như Lai tạng như thật hữu, là có đủ nhiều hơn hẳn sa những pháp chẳng thể nghĩ bàn phù hợp với tuệ giác giải thoát. Hai tuệ giác về tánh siêu việt của Như Lai tạng như vậy, các vị đại Thanh văn do tin mà vào được. Bạch Thế Tôn, tuệ giác về tánh siêu việt của Thanh văn Duyên giác là chuyển theo bốn đối tượng điên đảo mà chưa biết bốn phẩm chất, do vậy mà họ chưa từng thấy và chưa từng chứng sự khổ diệt hoàn toàn. Chỉ Đức Thế Tôn mới hiện chứng, vì đã hủy diệt mọi thứ phiền não và tu tập đạo diệt khổ.

#### **(10. Thánh đế duy nhất)**

Bạch Thế Tôn, trong bốn Thánh đế, ba thứ là vô thường, một thứ là thường trú. Tại sao, bởi vì ba thứ thuộc về trạng thái hữu vi. Hữu vi là vô thường. Vô thường là hủy diệt: hủy diệt thì không phải chân lý, không phải thường còn, không phải là chỗ nương tựa. Do vậy, căn cứ nơi nghĩa lý bậc nhất mà nói, thì ba thứ Thánh đế không phải là chân lý, không phải thường còn, không phải là chỗ nương tựa.

#### **(11. Nương tựa duy nhất)**

Bạch Thế Tôn, còn một thứ Thánh đế khổ diệt thì siêu việt hữu vi. Siêu việt hữu vi thì bản tánh thường trú. Bản tánh thường trú thì không phải là pháp hủy diệt. Không hủy diệt thì là chân lý, là thường còn, là chỗ nương tựa. Do vậy, bạch Thế Tôn, căn cứ vào nghĩa lý bậc nhất mà nói thì Thánh đế khổ diệt là chân lý, là thường còn, là chỗ nương tựa.

#### **(12. Diên đảo, chắc thật)**

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ diệt là chẳng thể nghĩ bàn, vượt quá lĩnh vực tâm thức của chúng sinh, cũng không phải tuệ giác của

hàng nhị thừa thấu đến. Tựa như người mù bẩm sinh không thấy hình sắc, hay trẻ con bảy ngày tuổi không thấy mặt trời, Thánh đế khổ diệt cũng là như vậy, không phải là đối tượng của nhận thức nơi hàng phàm phu, cũng không phải đối cảnh của tuệ giác nhị thừa. Kiến thức phàm phu là nhị biên, tuệ giác nhị thừa là trong sạch. Nhị biên là chấp trước năm uẩn làm tự ngã rồi phát sinh đủ cách phân biệt. Nhị biên là thấy thường hay thấy đoạn. Nếu thấy sinh tử vô thường, thấy Niết-bàn thường còn, nhưng không phải đoạn kiến hay thường kiến, như thế gọi là chánh kiến. Những kẻ suy tính thì thấy quan năng, cảm giác và tư tưởng, toàn là hiện thực hủy diệt, họ không thấu tính cách liên tục, họ đui mù, không có mắt tuệ, nên khởi lên đoạn kiến; còn đối với sự liên tục của tâm thức thì hủy diệt trong từng đơn vị thì gian, họ không rõ đó là đối tượng của ý thức, nên khởi lên thường kiến. Nhưng, những ý nghĩa trên đây quá tầm phân biệt cùng những kiến thức thấp kém, chỉ do ngu phu nghĩ khác, chấp trước điên đảo, bảo là đoạn, bảo là thường. Bạch Thế Tôn, người điên đảo thì năm uẩn vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh. Còn tuệ giác trong sạch của nhị thừa thì chưa từng thấy lĩnh vực và pháp thân của Đức Thế Tôn, nhưng vẫn có vị tin tưởng Đức Thế Tôn, nên đối với Ngài họ thấy thường, thấy lạc, thấy ngã, thấy tịnh, thì đó không phải là những cái thấy điên đảo, mà chính là thấy chính xác. Tại sao, vì pháp thân của Thế Tôn là sự thường toàn hảo, sự lạc toàn hảo, sự ngã toàn hảo, sự tịnh toàn hảo. Ai thấy như vậy gọi là thấy chính xác. Thấy chính xác thì gọi là con Phật thật, sinh từ miệng Phật, sinh từ chánh pháp, sinh từ pháp hóa, được phần pháp Phật. Bạch Thế Tôn, nói tuệ giác trong sạch thì chính là tuệ giác của hàng nhị thừa. Tuệ giác trong sạch ấy, Thánh đế khổ diệt còn không phải là đối tượng của nó, huống chi là Thánh đế khổ diệt được biết do tuệ giác **bốn nhập lưu** (Xem *Hoa Nghiêm Đại Sở Sao*, trang 497). Tại sao, vì ai mới tu ba thừa mà không ngu muội nơi các pháp thì có thể chứng và có thể biết về ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn, vì lý do gì mà Ngài nói bốn nhập lưu? Bốn nhập lưu tuy là pháp thế gian, nhưng được một nhập lưu thì đã là tối thượng đối với mọi thứ nhập lưu; còn lấy nghĩa lý

bạch nhất nói là nhập lưu, thì đó là chỗ quy hương, là Thánh đế khổ diệt.

### (13. Bản tánh thanh tịnh)

Bạch Thế Tôn, sống chết là do Như Lai tạng. Do Như Lai tạng mà nói cái thì gian trước hết là không thể biết được. Bạch Thế Tôn, có Như Lai tạng thì có sống chết, nói như vậy là nói khéo. Bạch Thế Tôn, sống chết là giác quan hủy diệt, rồi liên tục làm cho giác quan chưa khởi lên thì khởi lên, như thế gọi là sống chết. Nên sống chết, hai sự ấy là do Như Lai tạng, nhưng kiến thức bình thường thì gọi là sống chết. Chết là các giác quan hủy diệt, sống là các giác quan khởi lên, mà Như Lai tạng thì không sống không chết, không thăng lên không rơi xuống, siêu việt mọi trạng thái hữu vi. Như Lai tạng thường trú, không hủy diệt, do vậy, bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là chỗ nương tựa, là nắm giữ, là xây dựng cho kho tàng tuệ giác giải thoát, lại là chỗ nương tựa, là nắm giữ, là xây dựng cho các pháp hữu vi ngoài tuệ giác giải thoát. Bạch Thế Tôn, không Như Lai tạng thì không chán khổ sinh tử, không cầu vui Niết-bàn. Vì sao, vì sáu thức, và đối tượng của chúng, bảy pháp như vậy một thoáng không ngừng, không lãnh chịu đau khổ, không có khả năng chán sinh tử, cầu Niết-bàn. Như Lai tạng không có thì gian trước hết, không sinh không diệt, lãnh chịu đau khổ, và vì chán đau khổ mà cầu Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng không tự ngã, không tái sinh, không sinh thể và không sinh mạng. Như Lai tạng không phải là đối tượng của những người chấp thân, người điên đảo và người chấp không. Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là tạng pháp giới, là tạng pháp thân, là tạng xuất thế, là tạng bản tánh thanh tịnh. Cái Như Lai tạng bản tánh thanh tịnh, theo chỗ con hiểu, thì đều bị phiền não cấu nhiễm, cũng vẫn là chẳng thể nghĩ bàn, là lĩnh vực của Đức Thế Tôn. Tại sao, bạch Thế Tôn, tại vì trong mỗi đơn vị thì gian, những tâm lý thiện và bất thiện, những phiền não đều không thể cấu nhiễm nơi Như Lai tạng: phiền não không chạm đến tâm, tâm không chạm đến phiền não, không chạm nhau thì làm sao cấu nhiễm? Bạch Thế Tôn, có phiền não thì có cái tâm nhiễm theo, cái tâm nhiễm theo phiền não

ấy mà đã khó hiểu khó biết, chỉ Đức Thế Tôn, bậc làm mắt, làm trí, làm gốc của Pháp, làm tôn cao, làm dẫn đạo, làm chỗ dựa của Pháp, mới thấy biết đúng như sự thật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi hoàng hậu Thắng Man, nói rằng tốt lắm, tốt lắm, đúng như hoàng hậu đã nói, cái tâm bản tánh thanh tịnh bị phiền não cấu nhiễm, thì thật khó mà biết rõ. Thắng Man, có hai sự khó biết rõ, ấy là cái tâm của bản tánh thanh tịnh thì khó biết rõ, mà tâm ấy bị phiền não cấu nhiễm thì cũng là khó biết rõ. Hai sự như vậy, hoàng hậu và các vị Bồ-tát thành tựu đại pháp mới nghe và tiếp nhận được, còn các vị Thanh văn chỉ do tin mà biết.

#### (14. Con thật của Phật)

Thắng Man, nếu đệ tử của Như Lai có đức tin tăng thượng, thì người ấy có tuệ giác tùy thuận với Pháp, và được rất ráo trong Pháp ấy. Tuệ giác tùy thuận với Pháp là quan sát các giác quan, nhận thức và đối tượng; quan sát hành vi và kết quả của hành vi; quan sát sự ngủ của La-hán; quan sát tâm tự tại, ưa thích cái vui thiền định; quan sát thần thông tuệ giác của nhị thừa. Do thành tựu năm sự quan sát khéo léo này mà đệ tử Thanh văn hiện tại vị lai của Như Lai do đức tin tăng thượng và tuệ giác tùy thuận với Pháp mà khéo hiểu một cách rất ráo về tâm của bản tánh thanh tịnh và bị phiền não cấu nhiễm. Thắng Man, sự rất ráo ấy là nhân tố của đại thừa. Hoàng hậu phải biết, tin tưởng Như Lai thì không phải báng Pháp sâu xa.

Hoàng hậu Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, còn có ý nghĩa khác nữa hữu ích cho chúng sinh mà con xin dựa vào sức mạnh nơi uy thần của Ngài để diễn nói. Đức Thế Tôn dạy, tốt lắm, hoàng hậu cứ nói tùy ý. Hoàng hậu Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, có ba loại thiện nam, thiện nữ không tự làm thương tổn đối với Pháp sâu xa, sinh lắm công đức, đi vào đại thừa. Ba loại ấy là những ai? (Một), có người tự thành tựu tuệ giác về Pháp sâu xa. (Hai), có người thành tựu tuệ giác tùy thuận với Pháp sâu xa ấy. (Ba), có người không hiểu Pháp sâu xa, nhưng tin ngưỡng rằng Pháp ấy chỉ Phật mới biết, chứ không phải là lĩnh vực của mình.

### (15. Hoàng hậu Thắng Man)

Trừ ba loại thiện nam hay thiện nữ này, những người khác, đối với Pháp sâu xa, tùy mình thủ đắc mà chấp trước, nói quấy, chống đối chánh Pháp, làm theo ngoại đạo, biến mình thành hạt giống hư nát, thì dầu ở đâu cũng phải đến mà loại trừ. Những kẻ hư nát như vậy, chư Thiên hay nhân loại đều nên cùng nhau chiến thắng. Thưa bạch như vậy rồi, hoàng hậu Thắng Man cùng với thân quyến đem đỉnh đầu của mình lạy dưới chân Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tán dương, rằng tốt lắm, Thắng Man, đối với pháp sâu xa, hoàng hậu áp dụng phương tiện mà giữ gìn, chiến thắng những kẻ đối địch. Hoàng hậu thật là người khéo thấu suốt. Hoàng hậu đã thân gần cả trăm cả ngàn chư vị Như Lai mới nói được những điều đã nói hôm nay. Lúc ấy, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng siêu việt, chiếu khắp đại hội, rồi thăng lên không gian cao bằng bảy cây Đa-la, dùng thần lực mà đi chân trong không gian, trở về nước Xá-vệ. Hoàng hậu Thắng Man cùng với thân quyến ngược nhìn Đức Thế Tôn, mắt không rời Ngài chút nào. Khi Ngài đi quá tầm mắt rồi, hoàng hậu hoan hỷ, phấn chấn, cùng với mọi người ca tụng đức tính của Đức Thế Tôn, nhất tâm nghĩ nhớ đến Ngài. Trở vào kinh thành Vô đẩu, hoàng hậu khuyến khích Hữu xưng vương xây dựng đại thừa. Trong kinh thành Vô đẩu, phu nhân giáo dục pháp đại thừa cho con gái bảy tuổi sắp lên, Hữu xưng vương cũng đem pháp đại thừa giáo dục cho con trai bảy tuổi sắp lên. Cả nước không ai mà không học tập đại thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào khu lâm viên Chiến Thắng – Thiện Thí, gọi Tôn giả A-nan và nghĩ đến Đế Thích. Đế Thích cùng với tùy thuộc ứng theo ý nghĩ của Đức Thế Tôn mà đến, đứng trước Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo Đế Thích: Kiều-thi-ca, ông nên tiếp nhận và ghi nhớ kinh này, diễn giảng, mở bày chỉ rõ, làm cho chư Thiên trời Đao-lợi được yên vui. Đức Thế Tôn lại dạy Tôn giả A-nan, Tôn giả cũng tiếp nhận, ghi nhớ, phân tích giảng nói cho bốn chúng.

Đế Thích thưa Phật, bạch Thế Tôn, kinh này nên mệnh danh là gì? Chúng con nên kính nhớ như thế nào?



Đức Thế Tôn dạy, Kiều-thi-ca, kinh này thành tựu vô lượng công đức, năng lực của hàng nhị thừa còn không thấu được, huống chi là người khác. Kiều-thi-ca, ông nên biết kinh này rất sâu xa, tinh tế. Kinh này là khối công đức lớn. Như Lai sẽ nói cho ông, theo cách nói toát yếu, về danh hiệu của kinh này. Ông hãy nghe kỹ, hãy khéo ghi nhớ.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan và Đế Thích cùng thưa: Tốt lắm, bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng theo huấn dụ của Ngài.

Đức Thế Tôn nói, (một), kinh này tán dương đức tính chân thật của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Hai), kinh này nói về mười điều thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn, nên nhớ như vậy. (Ba), kinh này đem (một trong) ba đại nguyện thâm tóm mọi thệ nguyện, nên nhớ như vậy. (Bốn), kinh này nói sự thu nhận chánh pháp là chẳng thể nghĩ bàn, nên nhớ như vậy. (Năm), kinh này nói về sự hội nhập nhất thừa, nên nhớ như vậy. (Sáu), kinh này nói Thánh đế vô biên, nên nhớ như vậy. (Bảy), kinh này nói về Như Lai tạng, nên nhớ như vậy. (Tám), kinh này nói về pháp thân của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Chín), kinh này nói bản tánh siêu việt và chân thật bị ẩn khuất, nên nhớ như vậy. (Mười), kinh này nói ý nghĩa của Thánh đế duy nhất, nên nhớ như vậy. (Mười một), kinh này nói sự nương tựa duy nhất, thường trú, bất động và vắng lặng, nên nhớ như vậy. (Mười hai), kinh này nói về sự điên đảo và chân thật, nên nhớ như vậy. (Mười ba), kinh này nói về tâm của bản tánh thanh tịnh mà bị phiền não che khuất, nên nhớ như vậy. (Mười bốn), kinh này nói về con thật của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Mười lăm), kinh này nêu việc giảng nói như sư tử gầm của hoàng hậu Thắng Man, nên nhớ như vậy. Lại nữa, Kiều-thi-ca, kinh này loại trừ hoài nghi, xác quyết ý nghĩa trọn vẹn, hội nhập nơi nhất thừa. Kiều-thi-ca, Như Lai nay đem bản kinh hoàng hậu Thắng Man giảng nói như sư tử gầm này ký thác cho ông. Từ bây giờ cho đến ngày nào chánh pháp đang còn, ông hãy mở bày giảng nói cho tất cả khu vực.

Đế Thích thưa, tốt lắm, bạch Thế Tôn, dạ, con xin bái lãnh huấn dụ của Ngài.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, Đế Thích, và cả đại hội, chư Thiên, nhân loại, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v..., nghe những điều Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết, ai cũng hết mực hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận, và kính cẩn thực hành.

